

NGHỊ QUYẾT

Ban hành Quy định nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương giai đoạn 2026 - 2030 tỉnh Quảng Ngãi

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Đầu tư công số 58/2024/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 90/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

Căn cứ Nghị quyết số 70/2025/UBTVQH15 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Quy định về nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2026 - 2030 được sửa đổi, bổ sung tại Nghị quyết số 120/2026/UBTVQH15 ngày 03 tháng 02 năm 2026 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Căn cứ Nghị định số 85/2025/NĐ-CP của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công; Nghị định số 275/2025/NĐ-CP về sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định 85/2025/NĐ-CP Quy định chi tiết thi hành Luật Đầu tư công;

Căn cứ Quyết định số 18/2026/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị quyết số 70/2025/UBTVQH15 ngày 07 tháng 02 năm 2025 được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Nghị quyết 120/2026/UBTVQH15 ngày 03 tháng 02 năm 2026 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2026 - 2030;

Xét Tờ trình số 276/TTr-UBND ngày 18 tháng 6 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc đề nghị ban hành Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh về quy định nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương giai đoạn 2026 - 2030 tỉnh Quảng Ngãi; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp;

Hội đồng nhân dân ban hành Nghị quyết Quy định nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương giai đoạn 2026 - 2030 tỉnh Quảng Ngãi.

Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị quyết này Quy định nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương giai đoạn 2026-2030 tỉnh Quảng Ngãi.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết.
2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Điều 3. Hiệu lực thi hành

Nghị quyết này có hiệu lực thi hành từ ngày 30 tháng 6 năm 2026.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ngãi Khóa XIV Kỳ họp thứ 4 thông qua ngày 30 tháng 6 năm 2026.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Vụ Pháp chế - Bộ Tài chính;
- Cục KTVB và TCTHPL - Bộ Tư pháp;
- TTTU, TTHĐND, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Các cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc Tỉnh ủy;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Các Ban của HĐND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành;
- Cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh;
- Văn phòng UBND tỉnh;
- TT HĐND, UBND các xã, phường và đặc khu;
- Báo và Phát thanh, Truyền hình Quảng Ngãi;
- Trung tâm Công báo và Tin học tỉnh;
- VP ĐDBQH và HĐND tỉnh: C-PCVP, các phòng, CV;
- Lưu: VT, Cthđnd(Nhpt).

CHỦ TỊCH



Nguyễn Đức Tuy



Ký bởi: HỘI ĐỒNG
NHÂN DÂN TỈNH
QUẢNG NGÃI
Cơ quan: HỘI ĐỒNG
NHÂN DÂN TỈNH
QUẢNG NGÃI
Thời gian ký: 08/07/2026
14:43:09

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NGÃI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY ĐỊNH
NGUYÊN TẮC, TIÊU CHÍ VÀ ĐỊNH MỨC PHÂN BỐ
VỐN ĐẦU TƯ CÔNG NGUỒN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG
GAIAI ĐOẠN 2026 - 2030 TỈNH QUẢNG NGÃI

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 70/2026/NQ-HĐND ngày 30 tháng 6 năm 2026 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ngãi)

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy định này quy định nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương giai đoạn 2026 - 2030 tỉnh Quảng Ngãi.

2. Đối tượng áp dụng

a) Các sở, ban, ngành; Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu theo quy định tại Luật Đầu tư công số 58/2024/QH15 được sửa đổi, bổ sung tại Luật số 90/2025/QH15.

b) Cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia hoặc có liên quan đến xây dựng, lập, thẩm định, phân bổ, giao, triển khai, thực hiện kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm nguồn ngân sách địa phương giai đoạn 2026 - 2030.

Điều 2. Nguyên tắc chung và thứ tự ưu tiên phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương giai đoạn 2026 - 2030

1. Nguyên tắc chung

a) Nguyên tắc chung về phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương giai đoạn 2026 - 2030 và hằng năm thực hiện theo quy định tại Điều 3 Nghị quyết số 70/2025/UBTVQH15 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Quy định về nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2026 - 2030 được sửa đổi, bổ sung tại khoản 1 Điều 1 Nghị quyết số 120/2026/UBTVQH15.

b) Việc phân bổ vốn phải phục vụ cho việc thực hiện các mục tiêu, định hướng phát triển tại kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm giai đoạn 2026 - 2030 của tỉnh; phù hợp với Quy hoạch tỉnh Quảng Ngãi thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 và các quy hoạch được cấp có thẩm quyền quyết định hoặc phê duyệt.

c) Phù hợp với khả năng cân đối vốn đầu tư từ ngân sách địa phương trong kế hoạch tài chính 5 năm giai đoạn 2026 - 2030.

d) Tập trung ưu tiên bố trí vốn để thực hiện, đẩy nhanh tiến độ, sớm hoàn thành, phát huy hiệu quả các dự án đường bộ cao tốc, dự án kết nối, có tác động liên vùng, dự án có ý nghĩa thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội nhanh, bền vững; các chương trình, dự án phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số; chương trình, nhiệm vụ, dự án quốc phòng, an ninh, tư pháp, giáo dục, đào tạo nhân lực chất lượng cao, bảo vệ, chăm sóc sức khỏe nhân dân, bảo vệ môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu, phòng, chống, khắc phục hậu quả thiên tai, sạt lở bờ sông, bờ biển, hạn hán, xâm nhập mặn, nước biển dâng, bảo đảm an ninh năng lượng, an ninh nguồn nước, an ninh lương thực, chuyển đổi xanh.

2. Thứ tự ưu tiên

- a) Dự án đầu tư công đặc biệt, dự án đầu tư công khẩn cấp.
- b) Đối ứng chương trình mục tiêu quốc gia, dự án quan trọng quốc gia.
- c) Hoàn trả vốn ứng trước.
- d) Dự án đã hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng nhưng chưa bố trí đủ vốn.

đ) Đối ứng chương trình, dự án sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi nước ngoài; đối ứng các dự án sử dụng vốn ngân sách cấp trên.

e) Đầu tư của Nhà nước tham gia thực hiện dự án PPP theo quy định của pháp luật về đầu tư theo phương thức đối tác công tư; bồi thường, chấm dứt hợp đồng dự án PPP trước hạn được cấp có thẩm quyền quyết định, chi trả phần giảm doanh thu các dự án PPP thuộc trách nhiệm của Nhà nước, thanh toán theo hợp đồng dự án BT bằng tiền.

g) Dự án chuyển tiếp hoàn thành trong kỳ kế hoạch.

h) Dự án chuyển tiếp thực hiện theo tiến độ được phê duyệt.

i) Nhiệm vụ quy hoạch, nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư (vốn bố trí cho nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư dự án dự kiến khởi công mới trong giai đoạn 2026 - 2030, vốn bố trí cho nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư dự án dự kiến khởi công mới trong giai đoạn 2031 - 2035).

k) Thanh toán nợ đọng xây dựng cơ bản phát sinh trước ngày 01 tháng 01 năm 2015 (nếu có).

l) Cấp bù lãi suất tín dụng ưu đãi, phí quản lý; cấp vốn điều lệ cho các ngân hàng chính sách, quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách; hỗ trợ đầu tư cho các đối tượng khác theo quy định của cấp có thẩm quyền.

m) Bố trí vốn ngân sách địa phương để thực hiện các chính sách tín dụng ưu đãi thông qua Ngân hàng Chính sách xã hội.

n) Dự án khởi công mới đáp ứng yêu cầu quy định của Luật Đầu tư công số 58/2024/QH15 được sửa đổi, bổ sung tại Luật số 90/2025/QH15.

Điều 3. Nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương giai đoạn 2026 - 2030

1. Nguyên tắc phân bổ vốn thực hiện theo quy định của Luật Đầu tư công số 58/2024/QH15 được sửa đổi, bổ sung tại Luật số 90/2025/QH15, Điều 2 của Quy định này về các nguyên tắc chung, thứ tự ưu tiên phân bổ vốn và các nguyên tắc cụ thể sau đây:

a) Vốn đầu tư công được bố trí cho nhiệm vụ, chương trình, dự án thuộc nhiệm vụ chi đầu tư công của ngân sách địa phương theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước và đầu tư công.

b) Bảo đảm tương quan hợp lý về cơ cấu phân bổ vốn đầu tư giữa các cơ quan, đơn vị của tỉnh và giữa các ngành, lĩnh vực; vốn ngân sách tỉnh phân cấp, bổ sung có mục tiêu cho các xã, phường, đặc khu; vốn để thực hiện các nhiệm vụ, chương trình, dự án cụ thể tại điểm d khoản 1 Điều 2 của Quy định này.

c) Vốn đầu tư công của các cơ quan, đơn vị của tỉnh và các xã, phường, đặc khu được phân bổ theo ngành, lĩnh vực theo quy định của pháp luật về đầu tư công.

2. Tiêu chí, định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương giai đoạn 2026 - 2030

a) Dành tối đa không quá 30% trên tổng số vốn đầu tư xây dựng cơ bản tập trung trong nước để phân cấp cho các xã, phường, đặc khu theo quy định tại Điều 4 và bổ sung có mục tiêu cho các phường theo quy định tại Điều 5 Quy định này để thực hiện cho các nhiệm vụ chi đầu tư thuộc cấp mình quản lý.

b) Phần vốn còn lại, phân bổ cho các chương trình, dự án do cấp tỉnh quản lý và bổ sung có mục tiêu các nhiệm vụ, dự án khác ngoài quy định tại điểm a khoản 2 Điều này. Việc phân bổ cho các nhiệm vụ, chương trình, dự án cụ thể quy định tại điểm d khoản 1 Điều 2 của Quy định này và các nhiệm vụ chi khác thuộc nghĩa vụ của ngân sách địa phương theo quy định của pháp luật. Trong đó, ưu tiên tập trung vào các công trình, dự án trọng điểm, liên xã. Đầu tư tập trung, trọng tâm, trọng điểm, hiệu quả, có tính lan tỏa cao; đảm bảo không dàn trải, manh mún.

3. Đối với nguồn thu tiền sử dụng đất: Thực hiện phân bổ theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15 và Nghị quyết số 19/2025/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Quy định phân cấp nguồn thu, tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu giữa ngân sách trung ương, ngân sách cấp tỉnh, ngân sách cấp xã và các nhiệm vụ chi giữa ngân sách cấp tỉnh, ngân sách cấp xã năm 2026 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

4. Đối với nguồn thu xổ số kiến thiết: Việc phân bổ nguồn thu xổ số kiến thiết thực hiện với thứ tự ưu tiên theo quy định.

5. Trong quá trình điều hành ngân sách nhà nước, nguồn tăng thu, dự toán chi còn lại ngân sách địa phương sử dụng theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước, pháp luật về đầu tư công.

Điều 4. Nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương cho cấp xã

1. Nguyên tắc phân bổ vốn phân cấp cho cấp xã

a) Phải đảm bảo phù hợp với các quy định của Luật Đầu tư công số 58/2024/QH15 được sửa đổi, bổ sung tại Luật số 90/2025/QH15 và Luật ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15.

b) Bảo đảm tương quan hợp lý giữa việc phục vụ các mục tiêu phát triển các trung tâm chính trị, kinh tế của tỉnh, các vùng kinh tế trọng điểm, với việc ưu tiên hỗ trợ các vùng miền núi, biên giới, hải đảo, vùng đồng bào dân tộc và các vùng khó khăn khác để góp phần thu hẹp dần khoảng cách về trình độ phát triển kinh tế, thu nhập và mức sống của dân cư giữa các vùng trong tỉnh.

c) Việc phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương cho cấp xã bảo đảm công khai, minh bạch, công bằng, có trọng tâm, trọng điểm, hiệu quả.

d) Các địa phương chịu trách nhiệm bố trí vốn phân cấp, bổ sung có mục tiêu cho các chương trình, nhiệm vụ, dự án theo các nguyên tắc, thứ tự ưu tiên quy định tại Quy định này, tạo điều kiện để thu hút tối đa các nguồn vốn khác cho đầu tư phát triển. Trong đó, ưu tiên đầu tư vào các công trình mang tính lan tỏa, tạo động lực phát triển kinh tế - xã hội của các địa phương.

2. Tiêu chí phân bổ vốn

Tiêu chí phân bổ vốn đầu tư công nguồn cân đối ngân sách địa phương cho các xã, phường, đặc khu gồm 05 nhóm sau đây:

a) Tiêu chí dân số, gồm: Dân số trung bình và số người dân tộc thiểu số của các xã, phường, đặc khu.

b) Tiêu chí về trình độ phát triển, gồm: Tỷ lệ hộ nghèo đa chiều và số thu nội địa ngân sách xã, phường, đặc khu được hưởng (không bao gồm số thu tiền sử dụng đất, tiền thuê đất).

c) Tiêu chí diện tích: bao gồm diện tích đất tự nhiên, đất trồng lúa và tỷ lệ che phủ rừng của các địa phương.

d) Tiêu chí về số thôn, tổ dân phố (gọi chung là thôn) và đơn vị hành chính cấp xã (gồm: xã miền núi, đặc khu, xã có biên giới đất liền).

đ) Các tiêu chí bổ sung, gồm: Xã thuộc vùng căn cứ cách mạng ATK kháng chiến; xã đặc biệt khó khăn khu vực III và tiêu chí ưu tiên các xã thực hiện nhiệm vụ đặc thù.

3. Xác định số điểm của từng tiêu chí cụ thể

a) Tiêu chí dân số: bao gồm số dân trung bình và số người dân tộc thiểu số năm 2025. Cách tính cụ thể như sau:

- Điểm của tiêu chí dân số trung bình:

Số dân trung bình	Điểm
Địa phương có dân số trung bình đến 5.000 người	10
Địa phương có dân số trung bình trên 5.000 người đến 10.000 người, từ 0 đến 5.000 người được tính 10 điểm, phần còn lại cứ 2.000 người tăng thêm được tính	2
Địa phương có dân số trung bình trên 10.000 người đến 20.000 người, từ 0 đến 10.000 người được tính 15 điểm, phần còn lại cứ 2.000 người tăng thêm được tính	1
Địa phương có dân số trung bình trên 20.000 người, từ 0 đến 20.000 người được tính 25 điểm, phần còn lại cứ 2.000 người tăng thêm được tính	0,5

Dân số trung bình của các địa phương để tính điểm được xác định căn cứ vào số liệu năm 2025 của Thống kê tỉnh công bố. Trường hợp điều chỉnh địa giới hành chính, chỉ tiêu dân số trung bình của các địa phương được điều chỉnh theo nguyên tắc cộng số học chỉ tiêu dân số trung bình của các địa phương trước điều chỉnh địa giới hành chính.

- Điểm của tiêu chí số người dân tộc thiểu số:

Số người dân tộc thiểu số	Điểm
Cứ 2.500 người dân tộc thiểu số được	1

Số người dân tộc thiểu số của các địa phương để tính điểm được xác định căn cứ vào số liệu năm 2025 của Thống kê tỉnh công bố. Trường hợp điều chỉnh địa giới hành chính, chỉ tiêu số người dân tộc thiểu số của các địa phương được điều chỉnh theo nguyên tắc cộng số học chỉ tiêu số người dân tộc thiểu số của các địa phương trước điều chỉnh địa giới hành chính.

b) Tiêu chí về trình độ phát triển, bao gồm 02 tiêu chí: Tỷ lệ hộ nghèo đa chiều và số thu nội địa ngân sách cấp xã được hưởng (không bao gồm số thu tiền sử dụng đất, tiền thuê đất). Cách tính cụ thể như sau:

- Điểm của tiêu chí tỷ lệ hộ nghèo đa chiều:

Tỷ lệ hộ nghèo	Điểm
Cứ 1% hộ nghèo đa chiều được tính	0,2

Tỷ lệ hộ nghèo đa chiều của các xã, phường, đặc khu để tính điểm được xác định căn cứ số liệu năm 2025 do cấp có thẩm quyền công bố.

- Điểm của tiêu chí thu nội địa ngân sách cấp xã được hưởng theo phân cấp (không bao gồm số thu tiền sử dụng đất, tiền thuê đất).

Thu nội địa	Điểm
Các địa phương có số thu nội địa từ 0 đến 10 tỷ đồng	20
Các địa phương có số thu nội địa trên 10 tỷ đồng đến 60 tỷ đồng	15
Các địa phương có số thu nội địa trên 60 tỷ đồng đến 100 tỷ đồng	10
Các địa phương có số thu nội địa trên 100 tỷ đồng	5

Số thu nội địa ngân sách cấp xã được hưởng (không bao gồm số thu tiền sử dụng đất, tiền thuê đất) được xác định theo số dự toán ngân sách nhà nước năm 2026 do Hội đồng nhân dân tỉnh giao.

c) Tiêu chí diện tích, bao gồm 03 tiêu chí: diện tích đất tự nhiên, diện tích đất trồng lúa và tỷ lệ che phủ rừng. Cách tính điểm cụ thể như sau:

- Điểm của tiêu chí diện tích đất tự nhiên

Diện tích đất tự nhiên	Điểm
Các địa phương có diện tích đất tự nhiên đến 100 km ²	8
Các địa phương có diện tích đất tự nhiên trên 100 km ² đến 300 km ² , từ 0 đến 100 km ² được tính 8 điểm, phần còn lại cứ 50 km ² tăng thêm được tính	2
Các địa phương có diện tích đất tự nhiên trên 300 km ² đến 500 km ² , từ 0 đến 300 km ² được tính 14 điểm, phần còn lại cứ 50 km ² tăng thêm được tính	1
Các địa phương có diện tích đất tự nhiên trên 500 km ² , từ 0 đến 500 km ² được tính 17 điểm, phần còn lại cứ 50 km ² tăng thêm được tính	0,5

Diện tích đất tự nhiên của các địa phương để tính điểm được xác định căn cứ vào số liệu năm 2024 của Thống kê tỉnh công bố. Trường hợp điều chỉnh địa giới hành chính, chỉ tiêu diện tích đất tự nhiên của các địa phương được điều chỉnh theo nguyên tắc cộng số học chỉ tiêu diện tích đất tự nhiên của các địa phương trước điều chỉnh địa giới hành chính.

- Điểm của tiêu chí diện tích đất trồng lúa

Diện tích đất trồng lúa	Điểm
Các địa phương có diện tích đất trồng lúa đến 500 ha được tính	5
Các địa phương có diện tích đất trồng lúa trên 500 ha đến 1.500 ha, từ 0 đến 500 ha được tính là 5 điểm, phần còn lại cứ 200 ha tăng thêm được tính	1

Các địa phương có diện tích đất tự nhiên trên 1.500 ha, từ 0 đến 1.500 được tính là 10 điểm, phần còn lại cứ 200 ha tăng thêm được tính	0,5
---	-----

Diện tích đất trồng lúa của các địa phương để tính điểm được xác định căn cứ vào số liệu năm 2025 của Thống kê tình công bố. Trường hợp điều chỉnh địa giới hành chính, chỉ tiêu diện tích đất trồng lúa của các địa phương được điều chỉnh theo nguyên tắc cộng số học chỉ tiêu diện tích đất trồng lúa của các địa phương trước điều chỉnh địa giới hành chính.

- Điểm của tiêu chí tỷ lệ che phủ rừng

Tỷ lệ che phủ rừng	Điểm
Các địa phương có tỷ lệ che phủ rừng đến 10%, được tính	1
Các địa phương có tỷ lệ che phủ rừng trên 10% đến 50%, được tính	2
Các địa phương có tỷ lệ che phủ rừng trên 50% trở lên, được tính	4

Tỷ lệ che phủ rừng để tính điểm được xác định căn cứ vào số liệu năm 2025 do cấp có thẩm quyền công bố.

d) Tiêu chí số thôn và tiêu chí đơn vị hành chính cấp xã. Cách tính điểm cụ thể như sau:

- Điểm của tiêu chí số thôn:

Số thôn	Điểm
Mỗi thôn được tính	0,2

Số thôn để tính điểm được xác định căn cứ vào số liệu của cấp có thẩm quyền công bố tính đến thời điểm Quy định này được ban hành và các văn bản điều chỉnh, bổ sung (nếu có).

- Điểm của tiêu chí đơn vị hành chính cấp xã miền núi:

Đơn vị hành chính cấp xã miền núi	Điểm
Mỗi đơn vị hành chính cấp xã miền núi được tính	0,2

Đơn vị hành chính cấp xã miền núi để tính điểm được xác định căn cứ vào số liệu của cấp có thẩm quyền công bố tính đến thời điểm Quy định này được ban hành và các văn bản điều chỉnh, bổ sung (nếu có).

- Điểm của tiêu chí đơn vị hành chính cấp xã là đặc khu:

Đặc khu	Điểm
Đặc khu Lý Sơn	0,2

- Điểm của tiêu chí đơn vị hành chính cấp xã có biên giới đất liền:

Xã	Điểm
Mỗi xã được tính	0,2

Xã có biên giới đất liền để tính điểm được xác định căn cứ vào số liệu của cấp có thẩm quyền công bố tính đến thời điểm Quy định này được ban hành và các văn bản điều chỉnh, bổ sung (nếu có).

đ) Các tiêu chí bổ sung

- Điểm của tiêu chí xã thuộc vùng căn cứ cách mạng ATK kháng chiến; xã đặc biệt khó khăn vùng III:

Xã	Điểm
Xã thuộc vùng căn cứ cách mạng ATK kháng chiến	2
Xã đặc biệt khó khăn vùng III	6

Xã thuộc vùng căn cứ cách mạng ATK kháng chiến, xã đặc biệt khó khăn vùng III để tính điểm được xác định căn cứ vào số liệu của cấp có thẩm quyền công bố tính đến thời điểm Quy định này được ban hành và các văn bản điều chỉnh, bổ sung (nếu có).

- Điểm của tiêu chí ưu tiên thực hiện các nhiệm vụ đặc thù:

Xã Măng Đen: Bổ sung 10 điểm để thực hiện các nhiệm vụ xây dựng Khu du lịch sinh thái Măng Đen theo Quy hoạch chung xây dựng Khu du lịch Măng Đen, huyện Kon Plông, tỉnh Kon Tum đến năm 2045 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1128/QĐ-TTg ngày 08 tháng 10 năm 2024.

Đặc khu Lý Sơn: Bổ sung 10 điểm để thực hiện các nhiệm vụ xây dựng đặc khu Lý Sơn thành trung tâm du lịch biển đảo đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 tại Quyết định số 336/QĐ-UBND ngày 22 tháng 5 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt Đề án phát triển đặc khu Lý Sơn thành trung tâm du lịch biển đảo đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

Xã Vạn Tường: Bổ sung 10 điểm để thực hiện các nhiệm vụ xây dựng kết cấu hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội đáp ứng yêu cầu theo Quy hoạch chung xây dựng Khu kinh tế Dung Quất, tỉnh Quảng Ngãi đến năm 2045 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt điều chỉnh tại Quyết định số 168/QĐ-TTg ngày 28 tháng 02 năm 2023.

4. Xác định mức vốn đầu tư trong cân đối của các xã, phường, đặc khu

Căn cứ vào các tiêu chí trên để tính ra số điểm của từng xã, phường, đặc khu, tổng số điểm của các đơn vị hành chính cấp xã làm căn cứ để xác định số vốn phân bổ cho mỗi xã, phường, đặc khu trên cơ sở tổng mức vốn ngân sách tỉnh phân cấp cho ngân sách cấp xã. Vốn đầu tư phân bổ cho 01 đơn vị địa phương được tính theo công thức:

$$V_n = \frac{VDT}{D} \times D_n$$

Trong đó:

- VDT là tổng vốn đầu tư phân cấp cho các địa phương;
- D là tổng điểm của các đơn vị hành chính cấp xã;
- D_n là tổng điểm của mỗi xã, phường, đặc khu, được xác định trên cơ sở cộng điểm của từng tiêu chí trên;
- V_n là vốn phân bổ cho 1 đơn vị xã, phường, đặc khu ứng với D_n .

Điều 5. Nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn ngân sách cấp tỉnh bổ sung có mục tiêu cho ngân sách các phường

1. Nguyên tắc phân bổ: Bổ sung có mục tiêu để hỗ trợ các phường thực hiện các chương trình, nhiệm vụ, dự án phục vụ mục tiêu chỉnh trang, phát triển đô thị.

2. Tiêu chí và định mức bổ sung có mục tiêu trong giai đoạn 2026 - 2030:

a) Phường đạt mức quy định trình độ phát triển đô thị trong đô thị loại II (gồm các phường: Cẩm Thành, Nghĩa Lộ, Kon Tum, Đắk Bla): 80 tỷ đồng/phường;

b) Phường đạt mức quy định trình độ phát triển đô thị trong đô thị loại III (gồm các phường: Trương Quang Trọng, Trà Câu, Đức Phổ, Sa Huỳnh, Đắk Cẩm): 60 tỷ đồng/phường.

Phường đạt mức quy định trình độ phát triển đô thị trên địa bàn tỉnh được xác định căn cứ vào Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh tính đến thời điểm Quy định này được ban hành.

3. Căn cứ mức vốn được giao, các phường quyết định danh mục, mức vốn của từng công trình, dự án đảm bảo tuân thủ quy định của pháp luật về đầu tư công và đảm bảo đúng mục tiêu của nguồn vốn.

Điều 6. Tiêu chí phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước ủy thác qua ngân hàng chính sách xã hội

Phân bổ vốn đầu tư công ngân sách nhà nước trong kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm để ủy thác thực hiện chính sách tín dụng ưu đãi thông qua Ngân hàng Chính sách xã hội đảm bảo theo khả năng cân đối ngân sách địa phương. Trường hợp nguồn vốn đầu tư công không đảm bảo, trong quá trình điều hành ngân sách hằng năm, nếu có nguồn tăng thu, dự toán chi còn lại ngân sách địa phương hoặc nguồn chi đầu tư khác thuộc ngân sách địa phương, Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định theo thẩm quyền hoặc báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định bổ sung theo khả năng cân đối nhưng không vượt quá tổng nhu cầu nguồn vốn ủy thác từ ngân sách địa phương trong giai đoạn 2026 - 2030 đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt./.